

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 26/2021/DS- ST

Ngày 22-7-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Phạm Xuân Đức và ông K’Bar

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST – DS, ngày 02-7-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H- Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đắk Nông.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành T – Chức vụ: Chuyên viên quản lý tín dụng, (văn bản ủy quyền ngày 21-7-2021), có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03-6-2019 ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Thị L vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông (Sacombank Đắk Nông), số tiền 170.000.000đ tại hợp đồng tín dụng số LD 1912300309, thời hạn

vay 60 tháng; lãi suất cho vay (03 tháng đầu là 13%/năm) lãi quá hạn là 150% lãi suất hợp đồng trên số dư nợ gốc quá hạn; lãi kể từ tháng thứ tư trở đi, toàn bộ dư nợ sẽ được Sacombank Đắk Nông điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 13%/năm, lãnh lãi cuối kỳ (VNĐ) + biên độ 5,1%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần; Tại hợp đồng tín dụng số LD 1912600553 ngày 23-5-2019 ông H, bà L vay số tiền 30.000.000 đồng, thời điểm trả nợ ngày 23-5-2021, lãi suất là 20.3%/năm áp dụng với 03 tháng đầu tiên; kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất huy động tiết kiệm là 13%/tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ (LV13) + biên độ 12,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay; để đảm bảo khoản vay ông H, bà L thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 262803, do ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26-9-2017, các thửa đất số 42, 43, 47 và 48 tờ bản đồ số 88 tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, diện tích 6960m², toàn bộ tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 292/17/TC/ĐL, ngày 20-10-2017, đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 20-10-2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H, bà L đã trả được số tiền 10.988.744đ, trong đó tiền gốc là 7.500.000 đồng và 3.488.744 đồng tiền lãi; số tiền vốn gốc còn phải trả là 192.500.000 đồng; tính đến ngày 03-6-2020 ông H, bà L chưa thanh toán; do vậy Sacombank Đắk Nông khởi kiện, yêu cầu ông H, bà L phải trả số tiền gốc còn nợ là 192.500.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 53.459.421 đồng; phạt chậm trả vốn 2.341.039 đồng; phạt chậm trả lãi 3.144.613 đồng.

Sau ngày 22-7-2021 Ngân hàng tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông H, bà L không trả khoản tiền trên thì Sacombank Đắk Nông được phát mãi tài sản đã thế chấp (như đã nêu ở trên để đảm bảo thu hồi khoản nợ).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, tuy nhiên ông H, bà L không có mặt tại địa phương; tại biên bản xác minh ngày 06-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong tại Công an xã Q xác định ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã Q, huyện Đ. Ông H, bà L đã bỏ đi khỏi địa phương khoảng 02 năm, do vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai được đối với ông H, bà L về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông, buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền gốc là 192.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông H, bà L không trả thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định; về chi phí xem xét thẩm định, chi phí đo đạc và án phí, buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, đăng ký thường trú tại Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trả số tiền gốc đã vay theo hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng là 192.500.000 đồng. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T, yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền đã vay là 192.500.000đ và tiền tiền lãi theo hợp đồng 53.459.421đồng, lãi quá hạn 5.485.652 (lãi tính đến hết ngày 22-7-2021), Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Xét yêu cầu trả số tiền gốc đã vay là 192.500.000đ.

Xét thấy, ngày 03-6-2019 ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L có vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), tại hợp đồng tín dụng số LD1912300309; thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 03-6-2019 đến ngày 03-6-2024), được phân làm 05 kỳ trả nợ, định kỳ vào ngày 03-6; kỳ 1 và kỳ 2 mỗi kỳ trả số tiền gốc là 10 triệu đồng; kỳ 3 trả 30 triệu đồng; kỳ 4 trả 35.000.000 đồng; kỳ 5 trả 85.000.000đ. Tại giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng, kèm giấy nhận nợ số LD 1912600553, ngày 23-5-2019 thể hiện, ông H, bà L có vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn vay 24 tháng; được phân kỳ trả nợ gốc làm 04 kỳ, mỗi kỳ 7.500.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà L mới trả được số tiền 7.500.000đ của giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (trả được 01 kỳ đầu), đối với hợp đồng tín dụng LD1912300309 chưa trả được khoản tiền gốc nào. Như vậy, tính đến ngày 03-6-2020 ông H, bà L đã vi phạm hợp đồng, căn cứ mục 5.1 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số LD1912300309, toàn bộ hai khoản vay của ông H, bà L đã chuyển sang nợ quá hạn. Xét thấy, ông H, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, cần buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền gốc đã vay còn nợ là 192.500.000 đồng, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu tính lãi theo hợp đồng 53.459.421 đồng, lãi quá hạn 5.485.652 đồng (lãi tính đến hết ngày 22-7-2021, ngày xét xử sơ thẩm). Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ trên hợp đồng tín dụng số LD1912300309 đối với khoản tiền 170.000.000đ, thể hiện lãi suất cho vay (03 tháng đầu là 13%/năm) lãi quá hạn là 150% lãi suất hợp đồng trên số dư nợ gốc quá hạn; lãi kể từ tháng thứ tư trở đi, toàn bộ dư nợ sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 13%/năm, lãnh lãi cuối kỳ (VNĐ) + biên độ 5,1%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần; lãi trả 05 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD 1912600553, ngày 23-5-2019 thể hiện lãi suất là 20.3%/năm áp dụng với 03 tháng đầu tiên; kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất huy động tiết kiệm là 13%/tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ (LV13) + biên độ 12,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay, lãi trả 04 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng cùng kỳ với kỳ trả tiền gốc, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; đến nay, ông H, bà L mới trả được số tiền lãi là 3.488.744 đồng tiền lãi, số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 22-7-2021 là 53.459.421 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.485.652 đồng; do vậy cần buộc ông H, bà L phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tổng số tiền lãi là 58.945.073 đồng, lãi suất tính đến ngày 22-7-2021 (ngày xét xử sơ thẩm), đồng thời buộc ông H, bà L phải trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23-7-2021 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

[3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 262803, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 003426, do ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26-9-2017 cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, thửa đất số 42, 43, 47 và 48, tờ bản đồ 88 tại xã Quảng Sơn, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hội đồng xét xử nhận định: Để đảm bảo cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng số LD1912300309, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 262803, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 003426, do ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26-9-2017 cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, thửa đất số 42, 43, 47 và 48, tờ bản đồ 88 tại xã Quảng Sơn, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, tổng diện tích 6960m²; Hợp đồng đăng ký thế chấp được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Võ Thị Mỹ N theo đúng quy định của pháp luật và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 20-10-2017. Do vậy yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc của công ty TNHH Đ tại Đắk Nông, lô đất thế chấp có tứ cận:

Phía Đông giáp đất hộ ông Nguyễn Đức K

Phía Tây giáp đất hộ ông G

Phía Nam giáp đất hộ bà Nguyễn Hải L

Phía Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn C và tài sản tạo dựng trên đất.

Trường hợp ông H, bà L trả xong các khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T phải trả lại cho ông H, bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc: Căn cứ Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh Đắk Nông số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc là 8.000.000 đồng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải nộp án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 158; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền 251.445.073 đồng (*hai trăm năm mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó số tiền gốc là 192.500.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 22-7-2021 là 58.945.073 đồng (trong đó, tiền lãi trong hạn là 53.459.421 đồng, lãi quá hạn 5.485.652 đồng).

Kể từ ngày 23-7-2021 ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L trả nợ xong thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có nghĩa vụ trả lại cho ông H, bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 262803, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 003426, do ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26-9-2017 cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn

Thị L, thửa đất số 42, 43, 47 và 48, tờ bản đồ 88 tại xã Quảng Sơn, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Trong trường hợp ông H, bà L không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi công nợ. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 292/17/TC/DL ngày 20-10-2017 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 262803, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 003426, do ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 26-9-2017 cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, thửa đất số 42, 43, 47 và 48, tờ bản đồ 88 tại xã Quảng Sơn, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận:

Phía Đông giáp đất hộ ông Nguyễn Đức K

Phía Tây giáp đất hộ ông G

Phía Nam giáp đất hộ bà Nguyễn Hải L

Phía Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Văn C và tài sản tạo dựng trên đất.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc: Căn cứ Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh Đắk Nông số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc là 8.000.000 đồng

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.572.253 đồng (*mười hai triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông được nhận lại 5.645.000 đồng (năm triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000927, ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án tron hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CCTHADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

